TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày 31- 5 - 2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Bà Hoàng Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS ngày 13/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Thị V trình bày:*

Tôi và bà Lê Thị H là người cùng thôn. Tôi có buôn bán phân bón, nên từ năm 2016 đến năm 2018 bà H có vay tiền và mua phân bón của tôi nhiều lần đến nay còn nợ, cụ thể:

1/ Về tiền vay:

- Ngày 07/9/2016 vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để làm nhà;

- Ngày 10/5/2016 vay 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) vay tiêu dùng.

2/ Về tiền mua phân bón:

- Ngày 01/8/2016 mua phân bón nợ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);

- Ngày 06/5/2017 mua phân bón nợ 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng);

- Ngày 29/3/2018 mua phân bón nợ 10.100.000đ (mười triệu một trăm ngàn đồng).

Đến ngày 29/3/2018 hai bên ghi vào sổ chốt nợ xác nhận tổng số tiền bà H còn nợ tôi là 173.100.000 đồng. Do bà H chưa trả được nợ, nên đến ngày 29/3/2020 tôi và bà H thỏa thuận chuyển số tiền bà H còn nợ sang thành tiền vay và lập Giấy vay mượn tiền.

Nay tôi yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền vay còn nợ là 173.100.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/4/2020 cho đến hết ngày 30/5/2022. Về mức lãi suất trước đây hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, nhưng nay tôi chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 10%/năm (tức là 0,8%/tháng).

Tiền lãi tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/5/2022 là 173.100.000 đồng x 0,8% x 780 ngày = 36.004.000 đồng.

** Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải bà Lê Thị H trình bày:*

Việc tôi còn nợ tiền của bà V, trong đó có tiền vay và tiền mua phân bón từ năm 2016 đến năm 2017 là đúng như bà V trình bày. Đến ngày 29/3/2018 hai bên lập giấy xác nhận tổng số tiền tôi còn nợ bà V là 173.100.000 đồng, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn đến nay tôi chưa trả nợ được cho bà V.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền vay và tiền mua phân còn nợ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vay theo mức lãi suất 1,5%/tháng thì tôi đồng ý trả số tiền còn nợ mà hai bên lập giấy công nhận nợ ngày 29/3/2018 là 173.100.000 đồng, còn tiền lãi thì tôi xin không phải trả lãi vì điều kiện kinh tế khó khăn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự (BLDS); Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V. Buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị V số tiền gốc vay còn nợ là 173.100.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/5/2022, theo mức lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đối với bị đơn là bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu đòi tiền vay tài sản của nguyên đơn về số tiền vay gốc 173.100.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/4/2020 cho đến hết ngày 30/5/2022 với mức lãi suất 0,8%/tháng là 36.004.000 đồng, theo Giấy vay mượn tiền ngày 29/3/2020.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và khi hòa giải thì bị đơn bà H đều thừa nhận còn nợ tiền vay và tiền mua phân bón của bà V mà hai bên đã ghi vào sổ chốt nợ ngày 29/3/2018 là 173.100.000 đồng như bà V trình bày là đúng. Đến ngày 28/02/2022 bà V có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả nợ số tiền còn nợ như số tiền nêu trên theo Giấy vay mượn tiền ngày 29/3/2020 vì hai bên đã thỏa thuận chuyển sang thành tiền vay. Do bà H cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể làm rõ về nội dung Giấy vay mượn tiền, nên Tòa án đã trưng cầu giám định, so sánh chữ ký và chữ viết của bà H trong giấy nhận nợ vào ngày 29/3/2020 với chữ ký và chữ viết của bà H trong các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại bản Kết luận giám định số 37/KL-KTHS ngày 30/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị H dưới mục (“Người vay mượn” Đã nhận đủ tiền), so với các tài liệu là Biên bản giao nhận Thông báo thụ lý vụ án ngày 27/01/2022, Thông báo mở phiên họp và Đơn xin vắng mặt ngày 17/02/2022, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 21/02/2022 trong hồ sơ vụ án này, đều do bà H ký và viết ra.

Do vậy cần khẳng định bà Lê Thị H có nợ tiền vay và tiền mua phân bón của bà Phạm Thị V, sau đó hai bên chuyển số tiền này sang thành tiền vay của bà V số tiền là 173.100.000 đồng, theo Giấy vay mượn tiền vào ngày 29/3/2020.

[3]. Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản, việc hai bên thỏa thuận lập Giấy vay mượn tiền vào ngày 29/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện. Đây là số tiền bà H vay của bà V. Trong Giấy vay mượn tiền các bên không ghi thời hạn vay, như vậy được xem là hợp đồng vay không kỳ hạn và các bên đều thừa nhận có lãi. Nhưng đến thời hạn bà H không trả tiền cho bà V theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng được quy định tại các Điều 463, 466, 469 BLDS.

Về tiền lãi bà V yêu cầu bà H phải chịu tính lãi theo mức lãi suất là 10%/năm (tức là 0,8%/tháng) là phù với quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS; Cụ thể, buộc bà H phải trả cho bà V khoản tiền lãi vay tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/5/2022 (780 ngày) là: Tiền gốc 173.100.000 đồng x 0,8%/tháng x (780 ngày : 30) = 36.004.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 173.100.000 đồng + 36.004.000 đồng = 209.104.000 đồng.

Hội đồng xét xử, cần buộc bà H phải trả cho bà V tiền vay còn nợ là 209.104.000 đồng, trong đó (tiền gốc là 173.100.000 đồng và tiền lãi là 36.004.000 đồng).

Do đó, yêu cầu của bà V về khoản tiền gốc vay và tiền lãi đối với bà H còn nợ, là đúng pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Lê Thị H phải chịu 5.100.000 đồng tiền chi phí giám định theo Phiếu thanh toán tiền chi phí giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk. Bà Phạm Thị V là người đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 7.000.000 đồng theo Phiếu thu tiền ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Do vậy bà H phải hoàn trả lại cho bà V chi phí giám định là 5.100.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V tiền tạm ứng chi phí giám định còn thừa là 1.900.000 đồng. Bà V đã được nhận lại theo Biên bản trả tiền ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Phạm Thị V được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu án phí DSST có giá ngạch mà HĐXX buộc phải trả là 209.104.000 đồng x 5% = 10.455.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V 4.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà V đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V.

1.Buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị V tiền vay còn nợ là 209.104.000 đồng, (trong đó, tiền gốc là 173.100.000 đồng và tiền lãi là 36.004.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị V là người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 7.000.000 đồng *(Bảy triệu đồng)*, theo phiếu thu tiền ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bà Lê Thị H phải chịu tiền chi phí giám định, nên bà Hiền phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V tiền chi phí giám định là 5.100.000 đồng *(Năm triệu một trăm nghìn đồng)*.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị V tiền tạm ứng chi phí giám định còn thừa là 1.900.000 đồng *(Một triệu, chín trăm nghìn đồng)*. Bà V đã được nhận lại theo Biên bản trả tiền ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.455.000 đồng *(Mười triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*.

Trả lại cho bà Phạm Thị V 4.325.000 đồng *(Bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số: 0002070 ngày 20 tháng 01 năm 2022.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn